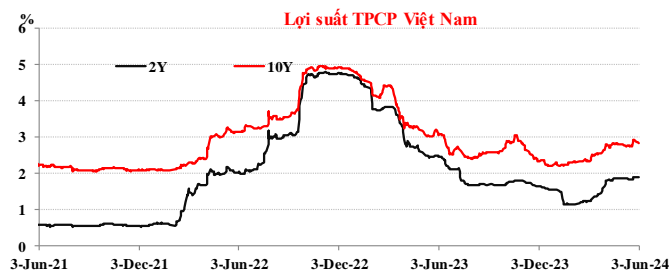


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	3.90	0.97	5.27	-0.02	3Y	1.90	0.000
1W	4.25	0.55	5.33	-0.01	5Y	2.03	-0.005
2W	4.53	0.08	5.39	-0.01	7Y	2.30	-0.019
1M	4.82	-0.18	5.41	0.00	10Y	2.82	-0.032
2M	5.18	-0.02	5.50	0.00	15Y	3.02	0.001
3M	5.25	-0.05	5.58	0.00			
6M	5.40	0.00	5.62	0.01			
9M	5.38	0.02	5.70	0.00			
1Y	5.42	0.02	5.73	-0.01			

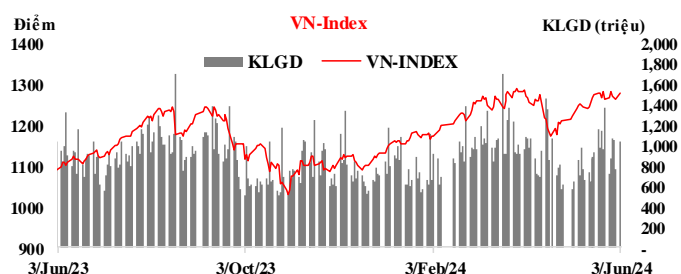


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 03/06/2024

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	3,000.00	473.10	-	473.10	82,239.92
Sell Outright	-	8,450.00	11,990.00	3,540.00	69,250.00
Tổng				4,013.10	

Chứng khoán ngày 03/06/2024

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1280.00	244.72	96.93
%/ngày	1.45%	0.67%	1.10%
%/29/12/2023	13.3%	5.9%	11.4%
KLGD (tr.đ.vị)	1046.93	99.12	54.2
GTGD (tỷ đ)	26097.75	1753.42	889.90
NDINN mua (tỷ đ)	1611819	67.52	50.84
NDINN bán (tỷ đ)	1898261	37.93	123.35


Tin trong nước ngày 03/06

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 03/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.261 VND/USD, không thay đổi so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.440 VND/USD, giảm 14 đồng so với phiên 31/05. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 25 đồng ở chiều mua vào và 35 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.750 VND/USD và 25.820 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 03/06, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,08 - 0,97 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,18 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên cuối tuần trước; cụ thể: ON 3,90%; 1W 4,25%; 2W 4,53% và 1M 4,82%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 5,27%; 1W 5,33%; 2W 5,39%, 1M 5,41%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng ở kỳ hạn 15Y và giảm ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,90%; 5Y 2,03%; 7Y 2,30%; 10Y 2,82%; 15Y 3,02%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Có 473,1 tỷ đồng trúng thầu, không có khối lượng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 8.450 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 4,25%, có 11.990 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 4.013,1 tỷ đồng ra thị trường, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường giảm xuống mức 69.250 tỷ đồng, khối lượng trên kênh cầm cố tăng lên mức 82.239,92 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán hôm qua tăng tích cực nhờ các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như bất động sản, ngân hàng, chứng khoán. Kết phiên, VN-Index tăng mạnh 18,28 điểm (+1,45%) lên mức 1.280,0 điểm; HNX-Index thêm 1,63 điểm (+0,67%) đạt 244,72 điểm; UPCoM-Index tăng 1,05 điểm (+1,10%) lên 96,93 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức khá cao với giá trị giao dịch trên 28.700 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 287 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI mới nhất của S&P Global, PMI ngành sản xuất của Việt Nam không thay đổi khi đạt 50,3 điểm trong tháng 5**, cho thấy các điều kiện kinh doanh của ngành cải thiện nhẹ tháng thứ hai liên tiếp. Tuy nhiên, Giám đốc Kinh tế S&P Global cho hay, dữ liệu chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam không đồng nhất. Ở khía cạnh tích cực, số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng tiếp tục tăng mạnh trong tháng 5. Ngược lại, việc làm tiếp tục giảm mạnh, khiến năng lực sản xuất của các công ty bị hạn chế. Đồng thời, tốc độ tăng chi phí ở mức nhanh nhất trong gần hai năm, khiến giá cả đầu ra tăng, có thể tác động hạn chế nhu cầu trong những tháng tới.

Tin quốc tế

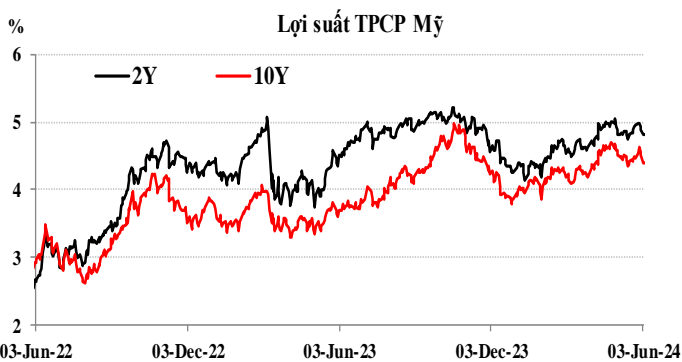
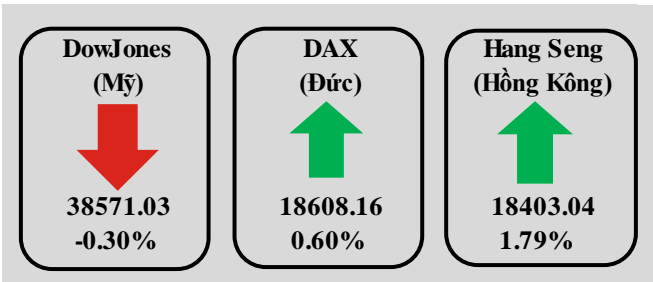
	3 Jun 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	104.14	-0.51%	-0.44%	2.77%
USD/CNY	7.24	0.01%	-0.03%	2.03%
USD/EUR	0.92	-0.56%	-0.40%	1.23%
USD/JPY	156.10	-0.77%	-0.48%	10.66%
USD/KRW	1370.36	-0.82%	0.77%	5.87%
USD/SGD	1.35	-0.40%	-0.27%	2.01%
USD/TWD	32.30	-0.51%	0.58%	5.27%
USD/THB	36.61	-0.44%	0.08%	6.58%
USD/VND Trung tâm	24261	0.00%	-0.03%	1.66%
USD/VND LNH	25440	0.00%	-0.04%	4.91%
USD/VND tự do	25743	-0.12%	-0.10%	4.05%
Vàng	2350.35	1.00%	-0.02%	13.95%
Dầu WTI	74.22	-3.60%	-4.50%	3.59%

▪ **Lĩnh vực sản xuất tại Mỹ cho thấy yếu đi trong tháng 5.** Viện Quản lý Cung ứng Mỹ ISM khảo sát chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tại nước này ở mức 48,7% trong tháng 5, giảm nhẹ từ mức 49,2% của tháng trước đó và trái với dự báo tăng lên mức 49,8%. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp PMI sản xuất giảm kể từ lần đầu vượt lên 50% trong tháng 3. Trước đó PMI sản xuất luôn ghi nhận sự thu hẹp kể từ tháng 11/2022. Nguyên nhân chủ yếu khiến PMI tháng 5 không đạt kỳ vọng chủ yếu do lượng đơn đặt hàng mới suy giảm và sản lượng sản xuất cũng có phần chậm đi. Thị trường cho rằng đây là những hệ lụy của môi trường lãi suất thắt chặt. Kết quả trên cũng ảnh hưởng tới kỳ vọng của thị trường về thời điểm Fed cắt giảm LSCS. Theo kịch bản dự báo chiếm ưu thế từ CME, Fed có thể sẽ cắt giảm LSCS lần đầu tiên vào tháng 09/2024 (trước đó dự báo rơi vào tháng 11), và sẽ có 2 lần cắt giảm trong năm nay (trước đó dự báo chỉ cắt giảm 1 lần), đưa LSCS cuối năm về mức 4,75% - 5,0%. Chỉ số USD-Index cũng giảm trong phiên hôm qua, hiện ở quanh mức 104 điểm, được cho là vi phạm xu hướng đi lên trung hạn hình thành từ cuối năm 2023.

▪ **Lĩnh vực sản xuất Trung Quốc cho thấy trạng thái tích cực nhất trong gần 2 năm.** Caixin và S&P Global khảo sát cho biết chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tại Trung Quốc ở mức 51,7 điểm trong tháng 5, tăng lên từ 51,4 điểm của tháng trước đó và đồng thời cao hơn một chút so với mức 51,6 điểm theo dự báo. Đây là PMI sản xuất cao nhất mà Trung Quốc đạt được kể từ tháng 6/2022. Theo Caixin, lĩnh vực sản xuất được củng cố khi nhu cầu trong nước và quốc tế cùng cải thiện, tuy nhiên giá trị đơn hàng xuất khẩu trong tháng 5 giảm tốc so với tháng 4, cho thấy tình hình kinh tế toàn cầu vẫn tương đối ảm đạm. Theo Wang Zhe - nhà kinh tế học tại Caixin, Trung Quốc sẽ cần tăng cường các chính sách kích thích kinh tế và cũng sẽ mất một thời gian nữa để các vấn đề trong nước và quốc tế được giải quyết, giúp lĩnh vực sản xuất có thể tăng trưởng nhanh hơn.

▪ **Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
03-06	9:00	*	PMI sản xuất Caixin Trung Quốc T5	51.7	51.6	51.4
03-06	15:00	*	PMI sản xuất chính thức Eurozone T5	47.3	47.4	47.4
03-06	15:30	*	PMI sản xuất chính thức Anh T5	51.2	51.3	51.3
03-06	21:00	***	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất ISM Mỹ T5	48.7	49.8	49.2
04-06	20:30	*	Cán cân vãng lai Úc Q1		5.6B	11.8B
04-06	21:00	***	Số cơ hội việc làm tại Mỹ T4		8.37M	8.49M



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	12/6/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	6/6/2024
Anh	GBP	5,0%	5,25%	3/8/2023	20/6/2024
Nhật	JPY	-0,10%	0,10%	19/3/2024	14/6/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35	8/11/2023	18/6/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

